

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Nắm được các đặc điểm và các thành tựu cơ bản của văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

– Nhận thức được sự thống nhất và những điều khác biệt của hai bộ phận văn học hợp pháp và bất hợp pháp về tư tưởng và nghệ thuật.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

a) Về khái niệm văn học hiện đại

Khái niệm *văn học hiện đại* trình bày trong SGK được hiểu theo quan niệm đối lập với hình thái văn học thời trung đại. Vì văn học hiện đại có sự phân hoá phức tạp, nghĩa là không thuần nhất, nên chỉ có thể định nghĩa trên nét lớn là sự thoát khỏi thi pháp của văn học trung đại. Và để hiểu một cách cụ thể hơn, cần nắm được thế nào là đặc trưng của thi pháp văn học trung đại.

Vài nét cơ bản về đặc trưng của thi pháp văn học trung đại :

– Ở thời kì văn học trung đại, người viết văn và người đọc văn (gọi chung là cộng đồng văn học) quan niệm văn học phản ánh hiện thực và biểu hiện tâm hồn con người, nói chung, phải thông qua một hệ thống ước lệ⁽¹⁾ dày đặc, phức tạp và nghiêm ngặt. Các thành viên trong cộng đồng văn học giao ước với nhau về

(1) *Ước lệ* : sự giao ước giữa các thành viên trong cộng đồng văn học thời trung đại về ý nghĩa của các ngôn từ, hình ảnh, điển cố,... được sử dụng trong các sáng tác thơ văn (ví dụ *phận liễu bỏ* là phận đàn bà, *khách mài râu* là đàn ông, v.v.).

ý nghĩa nào đó của những hình ảnh nghệ thuật được sáng tạo theo lối liên tưởng, so sánh hay lối ẩn dụ, hoán dụ. Ví dụ, khi Nguyễn Du viết : "Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô" thì phải hiểu là mùa thu đã tới, chứ không phải tả cảnh thực : trong giếng có vài cái lá ngô đồng rụng xuống. Điển cố, điển tích cũng là những ước lệ. Chẳng hạn, khi Nguyễn Du viết : "Bấy lâu luống những lẳng tai Chung Kì" thì phải hiểu Kim Trọng muốn nói : bấy lâu tôi đã nghe tiếng nàng Kiều rất giỏi đàn (liên tưởng tới câu chuyện Bá Nha và Chung Tử Kì ngày xưa : Bá Nha đàn giỏi, chỉ có Chung Tử Kì là người hiểu được tiếng đàn của Bá Nha. Tử Kì chết, Bá Nha đập đàn không đánh nữa). Nói chung, dùng ước lệ tức là không tả thực trực tiếp đối tượng cần tả. Ước lệ thể hiện từ cách tả người, tả cảnh, tả tình đến sáng tạo tình tiết, bố cục của tác phẩm,...

– Thời trung đại, các thể loại văn học đã có, nhưng chưa phân biệt thật tách bạch. Văn sử học, triết học, chính trị học, cả các loại văn bản hành chính nhiều khi cũng sáng tạo hình tượng thẩm mỹ như văn nghệ thuật.

– Thời ấy người viết văn, đọc văn coi tất cả những gì thuộc quá khứ xa xưa đều là chuẩn mực của chân lí và cái đẹp, vì thế hay dẫn lời cổ nhân, nêu gương cổ nhân, mượn thơ văn cổ nhân, thích dùng điển cố, điển tích, thi liệu, văn liệu rút từ tác phẩm của người xưa.

– Thời ấy, nhà văn không chú trọng phát huy cái riêng và khẳng định cá tính độc đáo.

Văn học Việt Nam vào cuối thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX có sự khủng hoảng của thi pháp văn học trung đại, nghĩa là các quy phạm của văn học trung đại trở nên lỏng lẻo, tuy thế vẫn nằm trong phạm trù của văn học trung đại ; phải đợi đến thế kỉ XX, trên cơ sở những điều kiện xã hội – lịch sử, điều kiện văn hoá, tư tưởng, tâm lí mới, nền văn học Việt Nam mới thực sự được hiện đại hoá, nghĩa là thoát hẳn ra khỏi thi pháp của văn học trung đại.

b) Về nhịp độ phát triển của văn học

– Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 phát triển rất mau lẹ. Để HS hiểu được điều này, GV cần cung cấp một vài dẫn chứng rút từ thực tế lịch sử văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945. Ví dụ : Hoài Thanh, tác giả *Thi nhân Việt Nam* tổng kết phong trào Thơ mới từ năm 1932 đến 1941 đã chọn ra được 169 bài đặc sắc của bốn mươi lăm

nhà thơ, trong đó có không ít nhà thơ lớn. Đó là chưa kể những nhà thơ cách mạng không có trong tuyển tập (như Hồ Chí Minh, Tố Hữu) và những nhà thơ xuất hiện từ đầu thế kỉ XX đến năm 1932 (như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Tản Đà, Trần Tuấn Khải, v.v.). Ví dụ khác : thời trung đại, văn học tiếng Việt chưa có văn xuôi, vậy mà chỉ ba, bốn chục năm sau, tính từ đầu thế kỉ XX, văn học nước ta đã có những áng văn xuôi có giá trị nghệ thuật như của Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Công Hoan, Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Nam Cao,...

– Về nguyên nhân của tốc độ phát triển văn học, cần nhấn mạnh tiềm lực to lớn về văn hoá của dân tộc được phát huy bởi phong trào cách mạng liên tiếp nổ ra từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945, đồng thời cũng cần phân tích vai trò của người viết văn thời kì này là trí thức tiểu tư sản Tây học, do ý thức cá nhân được thức tỉnh và do lòng yêu nước của họ chỉ có điều kiện dồn vào sáng tác văn chương.

Ngoài ra, còn phải kể đến lí do khác rất thiết thực : thời kì này văn chương đã trở thành một thứ hàng hoá và viết văn đã trở thành một nghề có thể kiếm sống. Đó là những nhân tố có tác động kích thích không nhỏ đối với người viết văn, làm sách.

c) Về sự phân hoá của văn học

Trước hết, cần nhớ nước ta từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là thuộc địa của Pháp. Sự đối lập sống còn giữa dân tộc ta và thực dân Pháp tất dẽ ra bộ phận văn học chống Pháp, mà chống Pháp thì bị chính quyền thực dân ngăn cấm và khủng bố, coi là bất hợp pháp. Bộ phận này phải hoạt động bí mật, chỉ đôi lúc do tình hình chính trị đặc biệt mới có thể xuất hiện nửa hợp pháp (thời phong trào Đông Kinh nghĩa thực hay thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương chẳng hạn). Phát triển song song với bộ phận văn học bất hợp pháp là bộ phận văn học công khai, hợp pháp, tất nhiên phải chịu sự giám sát của thực dân.

Bộ phận văn học bất hợp pháp tức là bộ phận văn học cách mạng, trực tiếp kêu gọi chống thực dân Pháp. Bộ phận này coi văn học là vũ khí, nhà văn trước hết là chiến sĩ cách mạng. Nói chung, bộ phận này có tính thuần nhất, nhưng tồn tại, phát triển rất khó khăn.

Bộ phận văn học công khai, hợp pháp thì phân hoá phức tạp về tư tưởng, về khuynh hướng thẩm mĩ và quan điểm nghệ thuật. Có hai khuynh hướng chính : chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa hiện thực. Văn học lãng mạn khẳng định *cái tôi*

cá nhân được giải phóng về tình cảm, cảm xúc và về trí tưởng tượng. Nhà văn lãng mạn thường đắm chìm trong *cái tôi* cá nhân khép kín. Họ yêu đời, yêu nước nhưng cảm thấy cô đơn, bất lực. Đề tài chủ yếu của văn học lãng mạn là thiên nhiên, tình yêu và tôn giáo. Cảm hứng lãng mạn thường hướng về những cái phi thường, có tính biệt lệ và những cảnh xứ lạ, phương xa,... Thể loại văn học thích hợp nhất với xu hướng lãng mạn là thơ và các thể loại văn xuôi trữ tình. Văn học hiện thực, trái lại, hướng về cái thường ngày, cái quen thuộc, vì họ muốn nói sự thật. Nhà văn hiện thực tự cho là những nhà khoa học về xã hội, muốn khám phá bản chất và quy luật của hiện thực. Họ tạo nên những tính cách điển hình để thực hiện khát vọng đó. Văn học hiện thực chủ yếu viết về đề tài xã hội trên tinh thần dân chủ và nhân đạo. Xu hướng văn học này phát triển mạnh nhất ở hai thể loại : tiểu thuyết và phóng sự. Khái niệm hiện thực phê phán ra đời để phân biệt với khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Văn học hiện thực phê phán thiên về phê phán xã hội. Nhược điểm của nó là nhìn nhân dân bị áp bức như những nạn nhân bất lực, bị hoàn cảnh đè bẹp không sao cưỡng lại được. Vì thế tác phẩm hiện thực phê phán thường kết thúc một cách bi quan.

Lưu ý : Các bộ phận, các trào lưu văn học khác nhau của thời kì văn học 1900 - 1945 không hoàn toàn cách biệt mà có ảnh hưởng qua lại. Ví dụ : Tố Hữu có chịu ảnh hưởng thơ mới lãng mạn, Nguyễn Công Hoan hiện thực ở *Bước đường cùng* nhưng lãng mạn ở *Tắt lửa lòng*, Vũ Trọng Phụng hiện thực ở *Giông tố*, *Số đỏ* nhưng lãng mạn ở *Dứt tình*,...

d) Về thành tựu cơ bản của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

– *Văn học Việt Nam từ xưa vốn có ba truyền thống tinh thần lớn : yêu nước, nhân đạo và anh hùng.* Văn học Việt Nam thời kì này cũng tiếp tục phát huy những truyền thống ấy, nhưng cái mới của nó là phát huy trên *tinh thần dân chủ*. Đó là nhân tố mới cần đặc biệt nhấn mạnh.

Các bộ phận văn học bất hợp pháp và hợp pháp, các khuynh hướng thẩm mỹ (lãng mạn hay hiện thực) đều mang nội dung tư tưởng trên, nhưng ở những mức độ khác nhau, dưới những dạng biểu hiện khác nhau, không nên hiểu rập khuôn như nhau. Để giúp HS phân biệt được điều này, GV phải tìm và phân tích một loạt dẫn chứng (có thể hướng dẫn HS tự tìm và phân tích ngay trong số những tác phẩm đã học ở lớp 10).

– Về nghệ thuật, các thành tựu văn học có giá trị thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, nói chung, đều gắn với yêu cầu hiện đại hoá văn học. Văn học thời kì này trải qua những cuộc cách tân hiện đại hoá ngày càng sâu sắc và toàn diện trên mọi thể loại : kịch nói, bút kí, phóng sự, tiểu thuyết, thơ, phê bình văn học,...

Cần cho HS hiểu kĩ về sự cách tân hiện đại hoá hai thể loại quan trọng nhất, đạt thành tựu lớn nhất trong thời kì văn học này : tiểu thuyết và thơ.

Tiểu thuyết cổ điển có mấy đặc điểm : thường vay mượn đề tài, cốt truyện của truyện cổ Trung Hoa ; truyện được kể có đầu có đuôi và thuật lần lượt theo trật tự thời gian tự nhiên (sự kiện có trước kể trước, sự kiện có sau kể sau) ; nhân vật thường phân tuyến rạch ròi theo tiêu chí đạo đức (thiện – ác, trung – nịnh) ; thể hiện tâm lí theo hành vi bên ngoài (ngoại hiện) ; chú trọng cốt truyện li kì ; tả cảnh, tả người theo lối ước lệ ; kết cấu chương hồi (mỗi chương tương đối độc lập, các chương xâu chuỗi với nhau) và theo một công thức nào đó (ví dụ : truyện tài tử – giai nhân thường theo kết cấu *Gặp gỡ – Li biệt – Đoàn viên*) ; kết thúc có hậu theo quy luật : kẻ ác cuối cùng sẽ bị trừng phạt, người thiện lúc đầu khổ cực, oan ức, cuối cùng được hưởng hạnh phúc ; lời văn thường theo lối biền ngẫu (đối nhau từng cặp mệnh đề), thỉnh thoảng xen vào những câu văn vắn du dương,... Tiểu thuyết hiện đại xoá bỏ những đặc điểm trên, chú trọng xây dựng tính cách nhân vật hơn cốt truyện, đi sâu vào nội tâm nhân vật với những diễn biến phức tạp, gắn với sự sống tự nhiên hơn, sử dụng rộng rãi bút pháp tả thực,...

Thơ mới khác thơ cũ (thơ trung đại) ở chỗ nó phá bỏ các quy phạm⁽¹⁾ chặt chẽ (như niêm luật, hình ảnh ước lệ), thể hiện *cái tôi* cá nhân. Nhìn chung, thơ mới là tiếng nói thơ ca của *cái tôi* cá nhân trước tạo vật và cuộc đời. Thoát ra khỏi hệ thống ước lệ có tính chất phi ngã⁽²⁾, *cái tôi* thơ mới nhìn thế giới bằng cặp mắt tươi trẻ, "xanh non" (Xuân Diệu), khiến nó phát hiện ra nhiều điều mới lạ về thiên nhiên và lòng người. Thoát khỏi những quy phạm chặt chẽ của thơ cũ, *cái tôi* thơ mới được giải phóng về tình cảm, cảm xúc và về trí tưởng tượng.

– Sự phát triển phong phú, đa dạng của phong cách nghệ thuật các nhà văn. GV cần hướng dẫn HS dùng phương pháp so sánh các tác phẩm cùng thể loại, xuất hiện cùng một giai đoạn lịch sử để nhận ra phong cách riêng của mỗi cây bút.

(1) *Quy phạm* : ở đây chỉ sự quy định nghiêm ngặt của thơ ca trung đại về số câu trong bài, số chữ trong câu, về luật bằng trắc, về phép đối, về kết cấu, bố cục,...

(2) *Phi ngã* : không thể hiện *cái tôi* cá nhân.

2. Về phương pháp

– Trọng tâm : Đặc điểm cơ bản của thời kì văn học ; thành tựu của thời kì văn học về tư tưởng, về cách tân hiện đại hoá các thể loại chính và sự phát triển đa dạng của phong cách nghệ thuật nhà văn.

– Bài *Khái quát văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945* nên được thực hiện như một quá trình, GV đặt ra các câu hỏi cho HS giải đáp về những khái niệm cơ bản, những quy luật văn học, những tác phẩm văn học được xem là bằng chứng làm sáng tỏ các luận điểm quan trọng trong bài học, nhằm giúp HS nắm vững những đặc điểm và thành tựu cơ bản của thời kì văn học. Hướng dẫn HS dùng phương pháp so sánh văn học (so sánh một số tác phẩm cùng thời và cùng thể loại) để nhận thấy sự đa dạng của phong cách nghệ thuật của các nhà văn thời kì này. Muốn ôn tập tốt, cần hướng dẫn HS chuẩn bị kĩ ở nhà.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phần mở đầu

– GV có thể mở đầu bài giảng bằng nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được yêu cầu cơ bản của bài học là phải nắm được các đặc điểm và thành tựu cơ bản của thời kì văn học Việt Nam hiện đại nửa đầu thế kỉ XX.

– Cũng cần chỉ ra mục đích, ý nghĩa và tác dụng của bài khái quát thời kì văn học với việc đọc - hiểu các tác phẩm cụ thể trong thời kì này.

2. Phần nội dung chính

Vì bài học dài nên không cho HS đọc cả mà lần lượt tìm hiểu từng phần theo trình tự trong SGK.

Phần 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu các đặc điểm cơ bản của thời kì văn học.

Như đã lưu ý ở trên, chủ yếu là GV đặt ra câu hỏi hoặc khuyến khích HS đưa ra các câu hỏi, sau đó trao đổi, trả lời. Có thể nêu một số câu hỏi cho phần này như sau :

– Thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có mấy đặc điểm cơ bản ? Đó là những đặc điểm gì ?

– Anh (chị) hiểu thế nào là "văn học hiện đại" ?

– Quá trình hiện đại hoá của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra qua mấy giai đoạn ? Nội dung mỗi giai đoạn là gì ? Vì sao giai đoạn thứ hai (khoảng từ năm 1920 đến năm 1930) gọi là giai đoạn quá độ hay giao thời ? Vì sao đến giai đoạn thứ ba, văn học Việt Nam mới có thể trở thành thực sự hiện đại ?

– Văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 phát triển với nhịp độ như thế nào ? Cho dẫn chứng. Vì sao có nhịp độ ấy ?

– Văn học Việt Nam thời kì này phân hoá ra sao ? Vì sao có sự phân hoá như thế ? Tìm dẫn chứng trong chương trình văn học Việt Nam ở THCS về những tác phẩm thuộc bộ phận văn học bất hợp pháp, bộ phận công khai, hợp pháp với sự phân hoá hai trào lưu văn học lãng mạn và trào lưu văn học hiện thực phê phán.

Những câu hỏi trên đây đã được SGK nêu rất rõ, chỉ cần đọc kĩ phần này là có thể trả lời được.

Phần 2. Hướng dẫn HS tìm hiểu thành tựu cơ bản của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945.

Tương tự như phần 1, GV cho HS đọc phần này và nêu một số câu hỏi như :

– Lịch sử văn học Việt Nam có những truyền thống tư tưởng gì ? Đóng góp mới của văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 đối với những truyền thống ấy là gì ? Các truyền thống ấy thể hiện ở những mức độ và những dạng thức khác nhau như thế nào ở các bộ phận, các trào lưu văn học ? (Câu hỏi này cần được trả lời bằng cách nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng, tức các tác phẩm văn học Việt Nam trong Chương trình THCS một cách cụ thể. GV cần khơi gợi cho HS nhớ lại những gì đã học ở THCS).

– Văn xuôi quốc ngữ có từ bao giờ ? Những nhân tố gì giúp nó hình thành ?

– Những thể loại văn học nào chưa có ở thời trung đại, đến thời kì này mới xuất hiện ?

– Thơ hiện đại khác thơ thời trung đại thế nào ? Nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng cụ thể.

– Tiểu thuyết hiện đại khác tiểu thuyết và truyện thơ Nôm thời trung đại như thế nào ? Nêu dẫn chứng và phân tích dẫn chứng cụ thể.

(Các câu hỏi về thơ và tiểu thuyết trên đây không dễ đối với HS, vì thế GV cần giúp HS từ việc tìm dẫn chứng đến phân tích dẫn chứng. GV nên tìm những câu hỏi nhỏ để gợi ý HS trả lời. Ví dụ : Thơ hiện đại khác với thơ trung đại như thế nào về luật thơ, về *cái tôi* trong thơ ? Vì sao thơ hiện đại có nhiều phát hiện mới mẻ về thế giới ? Dẫn chứng. Tiểu thuyết hiện đại khác truyện thơ Nôm trung đại thế nào, ở đề tài, nhân vật, cách tả cảnh, tả tình, ở kết cấu, bố cục ? v.v.).

Về vị trí lịch sử quan trọng của thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, cần nêu vấn đề cho HS suy nghĩ về thời kì văn học này trong tương quan với mười thế kỉ văn học trung đại và thời kì sau Cách mạng tháng Tám 1945 (những cuộc cách tân hiện đại hoá văn học sâu sắc đưa nền văn học dân tộc theo kịp thời đại ; sự chuẩn bị cho thời kì văn học sau năm 1975 về tư tưởng, nghệ thuật, về đội ngũ nhà văn, v.v.).

Nhìn chung, để học tập có kết quả tốt, HS cần được hướng dẫn chuẩn bị kĩ ở nhà.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nguyễn Đăng Mạnh – Đỗ Ngọc Thống, *Văn – bồi dưỡng học sinh giỏi THPT*, tập I, NXB Đại học Quốc gia, H., 2002.

– Nguyễn Đăng Mạnh, *Lịch sử văn học Việt Nam (1930 - 1945)*, NXB Đại học Quốc gia, H., 2000.